

PHỤ LỤC 2

BẢNG QUY ĐỔI TƯƠNG ĐƯƠNG CÁC TỔ HỢP THEO TỔ HỢP GỐC

(Kèm theo Thông báo số /TB-HDTS ngày tháng năm 2026
của Hội đồng tuyển sinh Trường Đại học Quy Nhơn)

STT	Mã tổ hợp	Tên môn	Tổ hợp gốc tương đương
1	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	A00
2	A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	A01
3	A02	Toán, Vật lí, Sinh học	A00
4	A04	Toán, Vật lí, Địa lí	C01
5	A05	Toán, Hóa học, Lịch sử	D07
6	A06	Toán, Hóa học, Địa lí	D07
7	A07	Toán, Lịch sử, Địa lí	C00
8	B00	Toán, Hóa học, Sinh học	B00
9	B01	Toán, Sinh học, Lịch sử	B00
10	B02	Toán, Sinh học, Địa lí	B00
11	B03	Toán, Sinh học, Ngữ văn	B00
12	B08	Toán, Sinh học, Tiếng Anh	B00
13	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	C00
14	C01	Ngữ văn, Toán, Vật lí	C01
15	C02	Ngữ văn, Toán, Hóa học	D07
16	C03	Ngữ văn, Toán, Lịch sử	C00
17	C04	Ngữ văn, Toán, Địa lí	C00
18	C13	Ngữ văn, Sinh học, Địa lí	C00
19	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	D01
20	D07	Toán, Hóa học, Tiếng Anh	D07
21	D09	Toán, Lịch sử, Tiếng Anh	D01
22	D10	Toán, Địa lí, Tiếng Anh	D01
23	D11	Ngữ văn, Vật lí, Tiếng Anh	D01
24	D12	Ngữ văn, Hóa học, Tiếng Anh	D01
25	D13	Ngữ văn, Sinh học, Tiếng Anh	D01
26	D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	D01
27	D15	Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh	D01
28	D65	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Trung	D01
29	M00	Ngữ văn, Toán, NK1	D01
30	T00	Toán, Sinh học, NK2	B00
31	T01	Toán, Ngữ văn, NK2	D01
32	T02	Ngữ văn, Sinh học, NK2	B00
33	T03	Ngữ văn, Địa lí, NK2	C00
34	T04	Toán, Vật lí, NK2	A01
35	T05	Ngữ văn, Giáo dục Kinh tế và pháp luật, NK2	C00
36	X01	Toán, Ngữ văn, Giáo dục Kinh tế và pháp luật	D01
37	X02	Toán, Ngữ văn, Tin học	D01
38	X06	Toán, Vật lí, Tin học	A01
39	X07	Toán, Vật lí, Công nghệ công nghiệp	A01
40	X09	Toán, Hóa học, Giáo dục Kinh tế và pháp luật	D07
41	X10	Toán, Hóa học, Tin học	D07
42	X13	Toán, Sinh học, Giáo dục Kinh tế và pháp luật	B00
43	X14	Toán, Sinh học, Tin học	B00
44	X16	Toán, Sinh học, Công nghệ nông nghiệp	B00
45	X21	Toán, Địa lí, Giáo dục Kinh tế và pháp luật	C00

STT	Mã tổ hợp	Tên môn	Tổ hợp gốc tương đương
46	X25	Toán, Giáo dục Kinh tế và pháp luật, Tiếng Anh	D01
47	X26	Toán, Tin học, Tiếng Anh	A01
48	X70	Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục Kinh tế và pháp luật	C00
49	X74	Ngữ văn, Địa lí, Giáo dục Kinh tế và pháp luật	C00
50	X78	Ngữ văn, Giáo dục Kinh tế và pháp luật, Tiếng Anh	D01